

B NG ãI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C2 Nñ h c : 2012-2013 ã VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122064200802 - V k thu t H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñI M THI	QUY TS 50%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3641010315	36C2	Lê Hoàng Anh	23/12/1992						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
2	3641010207	36C2	Nguy n ã ãnh Anh	21/09/1993						6.0	3.0	5.0	1.0		3.8	1.9	1.0	0.5	2.4	
3	3641010287	36C2	Ph m Tu n Anh	08/02/1993						7.0	7.0	7.0	2.0		5.8	2.9	1.0	0.5	3.4	
4	3641010172	36C2	V ¹ / ₂ V ãñ C u	02/11/1993						7.0	5.0	3.0	4.0		4.8	2.4	0.0	0.0	2.4	
5	3641010194	36C2	L ² Tr n Minh Chí	09/07/1994						7.0	6.0	7.0	4.0		6.0	3.0	1.0	0.5	3.5	
6	3641010178	36C2	L ² Minh Tr ã ng Duy	14/10/1993						7.0	6.0	3.0	3.0		4.8	2.4	2.0	1.0	3.4	
7	3641010160	36C2	Phan T n D ã ng	16/10/1994						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
8	3641010266	36C2	Nguy n Ho ã ng H i	30/09/1994						6.0	3.0	6.0	4.0		4.8	2.4	1.0	0.5	2.9	
9	3641010166	36C2	Nguy n V ãñ Hi u	02/04/1994						1.0	0.0	3.0	1.0		1.3	0.7	1.0	0.5	1.1	
10	3641010229	36C2	Ph m Duy Hi u	25/02/1993						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
11	3641010317	36C2	ñ Minh Hi p	26/09/1993						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
12	3641010220	36C2	H Phi Huy	01/01/1992						7.0	4.0	5.0	4.0		5.0	2.5	2.0	1.0	3.5	
13	3641010150	36C2	Tr n ã ãnh Huy	19/09/1993						1.0	0.0	0.0	0.0		0.3	0.2	0.0	0.0	0.1	CT
14	3641010282	36C2	L ² Tr ã ng H u	30/03/1991						6.0	9.0	8.0	8.0		7.8	3.9	6.0	3.0	6.9	
15	3641010265	36C2	Nguy n Ng c Kh ã ng	26/02/1993						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
16	3641010195	36C2	Hu ãnh Minh Lu ãn	03/07/1993						5.0	5.0	4.0	5.0		4.8	2.4	2.0	1.0	3.4	
17	3641010233	36C2	Châu Minh M n	18/05/1994						1.0	6.0	0.0	0.0		1.8	0.9	0.0	0.0	0.9	CT
18	3641010208	36C2	L c Ch ´ M n	23/06/1994						7.0	4.0	4.0	0.0		3.8	1.9	0.0	0.0	1.9	CT
19	3641010159	36C2	Hu ãnh C ã ng Minh	13/04/1994						6.0	4.0	2.0	4.0		4.0	2.0	1.0	0.5	2.5	
20	3641010296	36C2	Tr ã ng C ã ng Minh	04/05/1993						6.0	6.0	4.0	6.0		5.5	2.8	7.0	3.5	6.3	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C2 N h c : 2012-2013 ã VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122064200802 - V k thu t H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñ I M THI	QUY TS 50%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3645010280	36C2	Ng» ã nh Ngh	30/04/1993						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
22	3641010197	36C2	Nguy n Ti n Ngh	14/10/1993						8.0	8.0	6.0	9.0		7.8	3.9	8.0	4.0	7.9	
23	3641010309	36C2	ñ Nhàn	20/12/1994						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
24	3641010187	36C2	Cao Xuân Phi	13/06/1994						7.0	6.0	6.0	7.0		6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
25	3641010158	36C2	Nguy n Thanh Phong	30/05/1994						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
26	3641010304	36C2	L ² Vi t Quang	01/09/1994						7.0	1.0	2.0	3.0		3.3	1.7	3.0	1.5	3.1	
27	3641010258	36C2	Nguy n Huu nh Quĩ Tài	08/08/1993						6.0	7.0	8.0	0.0		5.3	2.7	0.0	0.0	2.6	CT
28	3641010235	36C2	Nguy n Th nh Tài	16/08/1994						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
29	3641010318	36C2	L ² V ã Tân	01/05/1994						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
30	3641010237	36C2	Ph m Ho @ Ti n	02/03/1991						5.0	7.0	4.0	4.0		5.0	2.5	2.0	1.0	3.5	
31	3641010151	36C2	Tr n V ã Ti n	17/08/1994						7.0	8.0	4.0	7.0		6.5	3.3	3.0	1.5	4.8	
32	3641010279	36C2	Thu n V ã Ti p	15/05/1993						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
33	3641010232	36C2	Lê Thành To n	17/05/1991						7.0	7.0	7.0	9.0		7.5	3.8	7.0	3.5	7.3	
34	3641010257	36C2	Lê Hoàng Tuân	24/09/1994						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
35	3641010161	36C2	Nguy n Xu ^a n Túc	08/02/1994						6.0	4.0	3.0	3.0		4.0	2.0	2.0	1.0	3.0	
36	3641010190	36C2	T ã ng Thanh T	10/02/1993						7.0	6.0	8.0	6.0		6.8	3.4	4.0	2.0	5.4	
37	3641010214	36C2	ñ T n Trung Thành	03/03/1993						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
38	3645010255	36C2	Lý Tú Thành	20/01/1993						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
39	3642010297	36C2	V ng ã c Th ng	08/05/1993						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
40	3641010250	36C2	Lĩ Ng c Thi n	02/01/1993						7.0	4.0	6.0	7.0		6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C2 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122064200802 - V k thu t H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
41	3641010270	36C2	Tr n Vấ	Th nh	12/10/1992					0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
42	3641010238	36C2	Nguy n Th	Tri u	15/04/1993					6.0	6.0	8.0	7.0		6.8	3.4	4.0	2.0	5.4	
43	3641010196	36C2	Vấ Minh	Trí	26/09/1993					7.0	5.0	5.0	3.0		5.0	2.5	3.0	1.5	4.0	
44	3641010163	36C2	Cao Hoàng	Tr ng	01/05/1993					6.0	5.0	8.0	8.0		6.8	3.4	2.0	1.0	4.4	
45	3641010185	36C2	Lê Chí	V	12/06/1993					7.0	7.0	5.0	8.0		6.8	3.4	6.0	3.0	6.4	
46	3641010247	36C2	ấ inh T n	VHO	07/05/1994					0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
47	3641010276	36C2	Ngô Hoàn	VHO	20/07/1994					7.0	6.0	7.0	4.0		6.0	3.0	4.0	2.0	5.0	
48	3641010183	36C2	T ng T ng	V ng	11/12/1994					7.0	5.0	0.0	3.0		3.8	1.9	0.0	0.0	1.9	

T ng s : 48 h c sinh sinh vĩ²n Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi" o Vĩ²n B M»n Gi" o V Khoa